

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY
Số/No: 25/2025/CBTT-AMECC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2025
Hai Phong City, November 20th, 2025



Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hà Nội

To: - State Securities Commission of Vietnam
- Hanoi Stock Exchange

- Công ty/Company: Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Amecc/ *Amecc Mechanical Construction JSC*
- Mã chứng khoán/Stock Code: AMS
- Địa chỉ trụ sở Công ty/Head Office Address: Km 35, quốc lộ 10, Xã An Quang, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam / *Km 35 of National Highway 10, An Quang Commune, Hai Phong City*
- Điện thoại/ Telephone: 02253 922 786
- Fax: 02253 922 783
- Người thực hiện công bố thông tin/ Person in Charge of Information Disclosure: **Đặng Thị Thu Thủy**

Loại thông tin công bố : ☐ Định kỳ ☒ Bất thường 24h ☐ Theo yêu cầu
Type of Information Disclosure : ☐ Periodic Disclosure ☒ Extraordinary Disclosure (Within 24 Hours) ☐ Upon Request

Nội dung thông tin công bố / Disclosed Information Content:

Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC công bố thông tin: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2025/NQ-HĐQT-AMECC ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC – Thi công Cách nhiệt và Chịu nhiệt AMECC.

Amecc Mechanical Construction Joint Stock Company announces the following information: Resolution of the Board of Directors No.11/2025/NQ-HĐQT-AMECC dated November 19, 2025 on the establishment of Amecc Mechanical Construction Joint Stock Company – AMECC Insulation & Refractory.

Thông tin đã được công bố ngày 20/11/2025 trên website, tại địa chỉ <https://amecc.com.vn>

The information was disclosed November 20th, 2025, on the company's website at <https://amecc.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. */We hereby certify that the disclosed information is accurate and take full legal responsibility for the content provided.*

Trân trọng!
Sincerely!

*** Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/ *As above;*
- Lưu VT/ *Filed for record.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**PERSON IN CHARGE OF INFORMATION
DISCLOSURE**



ĐẶNG THỊ THU THỦY

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ
XÂY DỰNG AMECC
*AMECC MECHANICAL
CONSTRUCTION JSC*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/ *No.*: 11/2025/QĐ-HĐQT-AMECC

Hải Phòng, ngày *19* tháng *11* năm 2025
Hai Phong, 19th November 2025

QUYẾT ĐỊNH *DECISION*

*V/v: Thành lập Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng AMECC
– Thi công cách nhiệt & chịu nhiệt AMECC*
*Re: Establishment of a Branch of AMECC Mechanical Construction Joint Stock
Company – AMECC Insulation & Refractory*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
BOARD OF DIRECTORS
AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JSC

Căn cứ/ *Pussasant to:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH4 thông qua ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH4 was adopted on 17th June 2020;
- Điều lệ hoạt động của Công ty CP Cơ khí Xây dựng AMECC;
Charter of AMECC Mechanical Construction JSC;
- Biên bản họp HĐQT số 08/2025/BBH-HĐQT-AMECC ngày *19/11/2025* ...
Meeting minutes of the BOD no. 08/2025/BBH-HĐQT-AMECC dated 19/11/2025...

QUYẾT ĐỊNH: *HEREBY DECIDES:*

Điều 1. Thành lập Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng AMECC – Thi Công Cách Nhiệt & Chịu Nhiệt AMECC với thông tin cụ thể như sau:
Article 1. To establish a Branch of AMECC Mechanical Construction Joint Stock Company – AMECC Insulation & Refractory with the following details:

1. Tên chi nhánh / *Branch name:*

- Tên chi nhánh bằng tiếng Việt / *Branch name in Vietnamese:*

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC –
THI CÔNG CÁCH NHIỆT & CHỊU NHIỆT AMECC

- Tên chi nhánh bằng tiếng nước ngoài / *Branch name in English:*

BRACH OF AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JOINT STOCK
COMPANY – AMECC INSULATION & REFRACTORY



- Tên chi nhánh viết tắt / *Abbreviated name*: AMECC IRB

2. Địa chỉ chi nhánh: Km 35, Quốc lộ 10, xã An Quang, Thành phố Hải Phòng
Branch address: Km 35, National Highway 10, An Quang Commune, Hai Phong City, Vietnam

3. Người đứng đầu chi nhánh / *Head of branch*:

Họ và tên : Ông LÊ MINH TÂN

Fullname *Mr. LE MINH TAN*

Chức vụ : Giám đốc Chi nhánh

Position *Branch Director*

Sinh ngày : 21/09/1988

Date of birth

Căn cước công dân số : 022088000367, cấp ngày 10/08/2021, cấp bởi Cục cảnh sát QLHC về TTXH

ID Card no. *No. 022088000367, issued on 10/082021 by the Police Department of Administrative Management of Social Order*

Địa chỉ liên lạc : Tổ dân phố Hạ, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng

Contact address *Ha Residential Group, Hong An Ward, Hai Phong City*

4. Ngành, nghề kinh doanh / *business lines*:

STT <i>No.</i>	Tên ngành <i>Business lines</i>	Mã ngành <i>Business lines code</i>	Ngành, nghề kinh doanh chính <i>Main business lines</i>
1	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại <i>Machining; treatment and coating of metals</i>	2592	X
2	Sản xuất các cấu kiện kim loại <i>Manufacture of structural metal products</i>	2511	
3	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp <i>Installation of industrial machinery and equipment</i>	3320	
4	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp <i>Construction of manufacturing facilities</i> <i>Details: Construction of Industrial Works</i>	4293	
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo các hình thức được quy định tại điểm b,d,h khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014) <i>Trading of own or rented property and land use rights</i> <i>Details: Office, factory, and warehouse leasing (The enterprise is only permitted to conduct business in the forms stipulated at Points b, d, h, Clause 1 and Point b, Clause 2, Article 11 of the Law on Real Estate Business 2014).</i>	6810	
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Warehousing and storage</i>	5210	
7	Phá dỡ	4311	

	<i>Demolition</i>		
8	Lắp đặt hệ thống điện <i>Electrical installation</i>	4321	
9	Hoàn thiện công trình xây dựng <i>Building completion and finishing</i>	4330	
10	Vận tải đường ống <i>Transport via pipelines</i>	4940	
11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi <i>Other construction installation</i> <i>Details: Installation of elevators and escalators; installation of automatic doors; installation of lighting systems, sound systems, and vacuum systems.</i>	4329	
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng <i>Other specialized construction activities</i> <i>Details: Dredging of canals and waterways; repair of construction works.</i>	4390	
13	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại <i>Manufacture of tanks, reservoirs and containers of metal</i>	2512	
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy <i>Wholesale of other machinery and equipment</i> <i>Details: Wholesale of machinery, equipment, and spare parts for mining and construction; wholesale of electrical machinery, equipment, and materials (generators, electric motors, electric wires, and other devices used in electrical circuits); wholesale of machinery, equipment, and spare parts for textile, garment, and footwear industries; wholesale of machinery, equipment, and spare parts for office machines (except computers and peripheral devices); wholesale of machinery, equipment, and spare parts for marine machinery.</i>	4659	
15	Đóng tàu và cầu kiện nổi <i>Building of ships and floating structures</i>	3011	
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Freight transport by road</i>	4933	
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn <i>Other manufacturing n.e.c.</i> <i>Details: Manufacturing and fabrication of non-standard equipment.</i>	3290	
18	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy nâng chuyên <i>Manufacture of lifting and handling equipment</i>	2816	

	<i>Details: Manufacturing and fabrication of lifting and handling machinery.</i>		
19	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí <i>Plumbing, heat and air-conditioning installation</i>	4322	
20	Xây dựng nhà để ở <i>Construction of residential buildings</i>	4101	
21	Xây dựng nhà không để ở <i>Construction of non-residential buildings</i>	4102	
	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển		
22	Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) <i>Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods without operator</i> <i>Details: Rental of agricultural and forestry machinery and equipment; rental of construction machinery and equipment; rental of office machinery and equipment (including computers).</i>	7730	
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị <i>Construction of other civil engineering projects</i> <i>Details: Construction of technical infrastructure for industrial zones and urban areas.</i>	4299	
24	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo cơ khí; Đào tạo đóng mới và sửa chữa tàu <i>Other education n.e.c.</i> <i>Details: Mechanical training; Shipbuilding and ship repair training</i>	8559	
25	Cho thuê xe có động cơ <i>Rental of motor vehicles</i>	7710	
26	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại <i>Forging, pressing, stamping and roll-forming of metal; powder metallurgy</i>	2591	
27	Xây dựng công trình đường bộ <i>Construction of roads</i>	4212	
28	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi <i>Construction of water supply and drainage works</i> <i>Details: Construction of hydraulic/irrigation works</i>	4222	

Điều 2. Giao cho Đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Article 2. The Legal Representative of the Company is assigned to carry out the business registration procedures in compliance with the applicable laws.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Article 3. This Decision shall take effect from the date of signing./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như điều 2 (đề t/h);

As per Article 2 (to execute);

- Lưu: VP.

Filing.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**

ON THE BEHALF OF BOD



NGUYỄN VĂN NGHĨA

